

BÁO CÁO

**Công tác thanh tra; Giải quyết khiếu nại, tố cáo;
Phòng, chống tham nhũng năm 2020**

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

I. Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra

Căn cứ nhiệm vụ công tác của Sở Công Thương và định hướng công tác thanh tra năm 2020 của Thanh tra Tỉnh, Sở Công Thương đã ban hành Quyết định số 177/QĐ-SCT ngày 12/12/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2020 của Sở Công Thương, trong đó, giao Thanh tra Sở theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra. Kết quả thực hiện năm 2020 như sau:

1. Thanh tra, kiểm tra hành chính (Biểu 1a)

Không có.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành (Biểu 1e)

Trong năm 2020, Sở Công Thương đã triển khai, thực hiện 13 cuộc kiểm tra chuyên ngành đối với 136 đơn vị (sản xuất, kinh doanh thực phẩm; kinh doanh bán lẻ xăng, dầu; kinh doanh, sử dụng hóa chất; kinh doanh dịch vụ cho thuê nhà ở; việc nhận và triển khai thực hiện kinh phí hỗ trợ về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và kinh phí khuyến công...). Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã phát hiện 45 đơn vị có vi phạm và đã yêu cầu các đơn vị này cam kết khắc phục những vi phạm, thiếu sót theo quy định.

3. Đánh giá, nhận xét

Việc triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra trong năm 2020 tuy có ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng nhìn chung vẫn đảm bảo theo tiến độ kế hoạch đề ra.

Qua thanh tra, kiểm tra cho thấy phần lớn các doanh nghiệp, cơ sở đều chấp hành tốt các nội dung quy định đã được kiểm tra. Một số doanh nghiệp, cơ sở chưa chấp hành tốt do có một số thủ tục hết hạn chưa bổ sung, điều kiện sản xuất kinh doanh chưa đảm bảo, qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở này khắc phục kịp thời theo quy định.

II. Kết quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Sở Công Thương đã ban hành Quyết định số 29/QĐ-SCT ngày 12/3/2020 về việc ban hành Quy trình tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, qua đó

nhằm đảm bảo việc tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, công dân theo quy định của pháp luật.

1. Kết quả thực hiện

a) Công tác tiếp công dân (Biểu 2a)

Trong năm 2020, Sở Công Thương thực hiện tiếp công dân thường xuyên 05 lượt, tăng 50% so với cùng kỳ năm 2019; tiếp định kỳ và đột xuất của Lãnh đạo Sở 08 lượt.

b) Tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo (Biểu 2b)

Trong kỳ, Sở Công Thương tiếp nhận 08 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; tăng 02 đơn so với cùng kỳ năm 2019.

Kết quả xử lý: thụ lý, giải quyết 01 đơn, chuyển cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết 07 đơn.

c) Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền (Biểu 2c, 2d)

Trong năm 2020, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

2. Số liệu nhập dữ liệu hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo trên phần mềm giải quyết đơn thư: 08 đơn

3. Dự báo tình hình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Tình hình khiếu nại, tố cáo trong năm 2021 sẽ không phức tạp; tuy nhiên Sở Công Thương sẽ tiếp tục chủ động, giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có); chỉ đạo các đơn vị, bộ phận thuộc Sở thực hiện tốt công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo theo tinh thần Công văn số 467/TTr-VP ngày 02/8/2017 và Công văn số 121/TTr-VP ngày 07/02/2018 của Thanh tra Tỉnh, tránh tình trạng đơn giải quyết kéo dài, đơn tồn đọng hay đơn khiếu nại đông người phát sinh điểm nóng.

III. Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Sở Công Thương

a. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Sở Công Thương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, các nội dung trong chương trình hành động của Chính phủ, của Ban chỉ đạo Trung ương về PCTN, của UBND Tỉnh về PCTN bằng nhiều hình thức như: sinh hoạt định kỳ của các Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên; các buổi họp đơn vị; hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đầu năm...

Gắn công tác PCTN với việc thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo

đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay và các Nghị quyết của Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tiếp tục đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả,

Thường xuyên cập nhật thông tin về PCTN và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phổ biến cho cán bộ công chức của Bộ và đăng tải trên các báo, các website của các đơn vị và của Bộ.

b. Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng

Sở đã chỉ đạo Thanh tra Sở tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị mình. Kết quả năm 2020, Sở đã ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 184/KH-SCT ngày 10/02/2020 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020 của Sở. Trên cơ sở đó, các bộ phận, đơn vị trực thuộc Sở đã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị mình.

c. Tình hình, tổ chức, bộ máy, phân công tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng

Sở Công Thương giao trách nhiệm cho Thanh tra Sở làm đầu mối và giúp lãnh đạo Sở trong việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Sở.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a. Việc công khai minh bạch trong hoạt động

Thường xuyên rà soát, trình UBND Tỉnh công bố Quyết định sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn Tỉnh cho phù hợp với văn bản pháp luật mới ban hành (122 thủ tục cấp tỉnh, 13 thủ tục cấp huyện); kịp thời công bố niêm yết công khai đầy đủ các TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Trung tâm Kiểm soát TTHC và Phục vụ hành chính công tỉnh (gọi tắt là Trung tâm); Trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ <https://sct.dongthap.gov.vn>; Tổng đài Thông tin dịch vụ công 1022 tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính trên trang tin và tại bộ phận một cửa, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân thực hiện quy định TTHC và giám sát thực hiện.

Thực hiện công khai minh bạch trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản cơ quan (thông qua hội nghị công chức hàng năm); chi trả lương hàng tháng (qua thẻ ATM); điều động, bổ nhiệm, khen thưởng... tạo điều kiện cho công chức, viên chức và Ban Thanh tra nhân dân giám sát.

b. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Sở Công Thương đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-SCT ngày 16/01/2020 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ trong thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính của Văn phòng Sở. Qua đó nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản, kinh phí hoạt động cơ quan và trong công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phòng chống tham nhũng của cơ quan đơn vị.

c. Việc tặng quà và nhận quà tặng

Sở đã triển khai, quán triệt và chỉ đạo các cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật PCTN năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật PCTN năm 2018. Trong năm 2020, không phát hiện trường hợp vi phạm.

d. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương và Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 191/QĐ-SCT ngày 02/11/2016 của Sở Công Thương về việc Quy định về chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử và văn hóa công sở tại Sở Công Thương Đồng Tháp; Quyết định số 29/QĐ-SCT ngày 12/3/2020 về việc ban hành Quy trình tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo.

Kết quả, nhìn chung đã có nhiều chuyển biến tốt trong phong cách, lề lối làm việc, tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức được nâng lên trong thực thi công vụ .

đ. Việc chuyển đổi vị trí công tác

Năm 2020, Sở Công Thương xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc Sở theo quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng. Trong năm 2020, Sở thực hiện chuyển đổi 03 vị trí công tác (02 lãnh đạo, quản lý; 01 công chức).

e. Minh bạch tài sản, thu nhập

Sở Công Thương triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả việc kê khai minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định.

f. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức để xảy ra tham nhũng

Trong năm 2020, chưa phát hiện tham nhũng tại Sở Công Thương.

g. Việc thực hiện cải cách hành chính

Sở Công Thương đã ban hành Kế hoạch số 06/KH-SCT ngày 03/01/20120 về cải cách hành chính năm 2020, Kế hoạch số 07/KH-SCT ngày 03/01/2020 về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, Kế hoạch số 100/KH-SCT ngày

17/01/2020 về việc kiểm tra, kiểm soát thủ tục hành chính, Kế hoạch số 102/KH-SCT ngày 17/01/2020 về việc tuyên truyền cải cách hành chính, Kế hoạch số 338/KH-SCT ngày 02/03/2020 về việc cải thiện chỉ số cải cách hành chính nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện TTHC của tổ chức, cá nhân.

h. Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan

Sở Công Thương đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 cho tất cả các khâu có liên quan đến yêu cầu của công dân, nhằm giải quyết công việc nhanh, kịp thời và đúng theo yêu cầu của công dân, tổ chức.

i. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản

Thực hiện việc trả lương 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở qua tài khoản thẻ ATM.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

Năm 2020, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng gắn với công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kết quả, Sở Công Thương chưa phát hiện hành vi tham nhũng hoặc tiêu cực nào xảy ra.

4. Phát huy vai trò của xã hội

Sở Công Thương luôn tôn trọng và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản ánh của công dân, tổ chức về những vấn đề có liên quan đến công chức, viên chức thuộc Sở quản lý; đồng thời kiên quyết xử lý hoặc phối hợp xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng xảy ra.

5. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020

Căn cứ Kế hoạch số 589/SCT-TTr ngày 02/10/2009 của Sở Công Thương về việc thực hiện chiến lược Quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 của Chính phủ. Hàng năm, Sở Công Thương xây dựng và ban hành kế hoạch về thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng và triển khai đến các cán bộ công chức và đơn vị thuộc Sở thực hiện. Kết quả, các đơn vị, bộ phận của Sở đã thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

6. Đánh giá tình hình tham nhũng. Trong năm 2020, Sở Công Thương không có cán bộ, công chức, viên chức tham nhũng.

7. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

Công tác phòng, chống tham nhũng luôn được Sở Công Thương quan tâm quán triệt thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục; phát huy vai trò giám sát của các đoàn thể, ban thanh tra nhân dân, nên công tác phòng, chống tham nhũng tại Sở Công Thương từng bước đi vào nề nếp và đạt được hiệu quả cao.

8. Dự báo tình hình tham nhũng

Tình hình tham nhũng có thể xảy ra ở các đơn vị, bộ phận thuộc Sở trong thi hành công vụ như: nhận và trả kết quả, thẩm định cấp phép, thanh kiểm tra...

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2021
VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. Công tác thanh tra

1. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm.

Thực hiện thanh tra trách nhiệm đối với các đơn vị thuộc Sở trong việc thực hiện pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành

- Thanh tra, kiểm tra theo chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương:

+ Thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định về phòng ngừa tham nhũng đối với các đơn vị trực thuộc Sở;

+ Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Thực hiện tốt các cuộc thanh tra, kiểm tra theo chỉ đạo cấp trên hoặc phối hợp các đơn vị có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Sở khi có yêu cầu.

- Ngoài kế hoạch thanh tra, kiểm tra trên các đơn vị trực thuộc Sở còn tự kiểm tra tại cơ quan đơn vị mình về các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, hoạt động quản lý tài chính, tài sản... Chủ động phòng ngừa, phát hiện và có biện pháp xử lý đúng đắn theo quy định của pháp luật.

II. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

1- Tiếp tục duy trì công tác tiếp công dân theo quy định;

2- Phấn đấu xử lý và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền và đúng thời gian quy định.

3- Thực hiện tốt các biện pháp nhằm ngăn ngừa và phát sinh các điểm nóng có thể xảy ra trên lĩnh vực công thương.

III. Công tác phòng, chống tham nhũng

1- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, quán triệt và thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn Luật đến tất cả công chức, viên chức thuộc Sở Công Thương nhằm góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng trong thời gian tới.

2- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp gắn với cuộc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có phẩm chất chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực, ý thức trách nhiệm trong công tác.

3- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản do Sở Công Thương tham mưu và ban hành cho phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan.

4- Tăng cường công tác chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở trong việc triển khai thực hiện tốt kế hoạch cải cách hành chính; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng tại các đơn vị thuộc Sở.

5- Tăng cường mối quan hệ phối hợp với các cơ quan chức năng và quần chúng nhân dân trong việc phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực khác đối với công chức, viên chức thuộc Sở.

6- Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2020 của Sở Công Thương./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TTr_(HM,02b).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dũng

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ CÔNG THƯƠNG

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số: 2189/BC-SCT ngày 20/11/2020 của Sở Công Thương)

| MS | Nội dung | ĐV tính | Kết quả |
|----|---|------------|---------|
| | CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT | | |
| 01 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 01 |
| 02 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 00 |
| | TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN | | |
| 03 | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN | Lượt người | 00 |
| 04 | Số lớp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức | Lớp | 00 |
| 05 | Số lượng đầu sách, tài liệu về PCTN được xuất bản | Cuốn | 00 |
| | THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG | | |
| | <i>Công khai minh bạch trong hoạt động của đơn vị</i> | | |
| 06 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch | CQ,TQ,ĐV | 00 |
| 07 | Số cơ quan, tổ chức bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động | CQ,TQ,ĐV | 00 |
| | <i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i> | | |
| 08 | Số văn bản quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được ban hành mới | Văn bản | 01 |
| 09 | Số văn bản quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn bị hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung | Văn bản | 00 |
| 10 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Cuộc | 00 |
| 11 | Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện, xử lý | Vụ | 00 |
| 12 | Số người bị phát hiện vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Người | 00 |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật | Người | 00 |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự | Người | 00 |
| 15 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường | Triệu đồng | 00 |
| 16 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường | Triệu đồng | 00 |
| 17 | Số người nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người | 00 |
| 18 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại | Triệu đồng | 00 |

| MS | Nội dung | ĐV tính | Kết quả |
|----|---|----------|---------|
| | <i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i> | | |
| 19 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của CBCC | CQ,TC,ĐV | 00 |
| 20 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc nghề nghiệp đã bị xử lý | Người | 00 |
| 21 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | 00 |
| | <i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i> | | |
| 22 | Số người được xác minh kê khai tài sản, thu nhập | Người | 00 |
| 23 | Số người bị kết luận kê khai không trung thực | Người | 00 |
| | <i>Trách nhiệm của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng</i> | | |
| 24 | Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 00 |
| 25 | Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 00 |
| 26 | Số người đứng đầu đã bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 00 |
| | <i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i> | | |
| 27 | Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý HC | CQ,TC,ĐV | 01 |
| 28 | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc | % | 100 |
| | PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG | | |
| | <i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i> | | |
| 29 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | Vụ | 00 |
| 30 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra nội bộ | Người | 00 |
| | <i>Qua hoạt động thanh tra</i> | | |
| 31 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác thanh tra | Vụ | 00 |
| 32 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra | Người | 00 |
| | <i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i> | | |
| 33 | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết các cơ quan, tổ chức | Đơn | 00 |
| 34 | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc được giải quyết | Đơn | 00 |
| 35 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vụ | 00 |
| 36 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người | 00 |
| | <i>Qua công tác điều tra tội phạm</i> | | |
| 37 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ | 00 |
| 38 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | 00 |

| MS | Nội dung | ĐV tính | Kết quả |
|----|--|----------------|---------|
| | XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG | | |
| 39 | Số vụ án tham nhũng đưa ra xét xử | Vụ | 00 |
| 40 | Số đối tượng tham nhũng bị kết án tham nhũng | Người | 00 |
| 41 | Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng | Người | 00 |
| 42 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng | Người | 00 |
| 43 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng | Người | 00 |
| 44 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng | Người | 00 |
| 45 | Số vụ, việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | Vụ | 00 |
| 46 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người | 00 |
| 47 | Số vụ, việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Vụ | 00 |
| 48 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Người | 00 |
| | Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được | | |
| 49 | + Bằng tiền | Triệu đồng | 00 |
| 50 | + Đất đai | M ² | 00 |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường | | |
| 51 | + Bằng tiền | Triệu đồng | 00 |
| 52 | + Đất đai | M ² | 00 |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được | | |
| 53 | + Bằng tiền | Triệu đồng | 00 |
| 54 | + Đất đai | M ² | 00 |
| | Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng | | |
| 55 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù | Người | 00 |
| 56 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen thưởng, trong đó: | Người | 00 |
| | + Tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ | | |
| | + Tặng bằng khen của Bộ, ngành, địa phương | | |
| | + Tặng Giấy khen | | |
| 57 | Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng | Người | 00 |
| 58 | Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác sau đó được kết luận là có hành vi tham nhũng | Người | 00 |
| 59 | Số đơn yêu cầu cơ quan nhà nước giải trình theo quy định tại Nghị định số 90/2013/NĐ-CP | Đơn | 00 |
| 60 | Số đơn yêu cầu giải trình đủ điều kiện để cơ quan nhà nước giải trình | Đơn | 00 |
| 61 | Số đơn yêu cầu đã được giải trình | Đơn | 00 |